

TÁC ĐỘNG CỦA CHẤT LƯỢNG THỂ CHẾ ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TẠI CÁC QUỐC GIA ASEAN

● NGUYỄN MINH NGỌC

Phòng Tài chính - Kế toán, Pizza 4P's

TÓM TẮT:

Nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia Asean. Dữ liệu nghiên cứu 8 quốc gia trong khu vực Asean bao gồm: Campuchia, Indonesia, Lào, Thái Lan, Việt Nam, Singapore, Philippines và Malaysia trong giai đoạn 2000 - 2023. Kết quả cho thấy, việc gia tăng đầu tư trong nước của các quốc gia là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong khu vực. Chất lượng thể chế (INS) có tác động dương đến tăng trưởng kinh tế, mặc dù chưa đạt mức ý nghĩa thống kê cao, nhưng vẫn cho thấy vai trò quan trọng của thể chế trong việc hỗ trợ các hoạt động kinh tế và tạo ra môi trường thuận lợi cho tăng trưởng.

Từ khóa: chất lượng thể chế, tăng trưởng kinh tế, Asean, kinh tế.

1. Đặt vấn đề

Chất lượng thể chế là một khái niệm phản ánh mức độ hiệu quả, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các tổ chức và chính sách trong một quốc gia. Các thể chế chất lượng cao thường đi kèm với hệ thống pháp luật vững chắc, quyền sở hữu tài sản được bảo vệ, bộ máy hành chính hiệu quả và mức độ tham nhũng thấp. Theo North (1990), thể chế bao gồm các quy tắc chính thức như luật pháp, quy định của chính phủ, cũng như các chuẩn mực xã hội và văn hóa ảnh hưởng đến hành vi của các cá nhân và doanh nghiệp. Các quốc gia có thể chế tốt thường tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi, thu hút đầu tư và đảm bảo sự ổn định kinh tế, từ đó thúc đẩy sự phát triển bền vững.

Ảnh hưởng của chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế đã được nhiều nghiên cứu chỉ ra,

trong đó, Acemoglu và cộng sự (2001) nhấn mạnh thể chế chính trị và kinh tế đóng vai trò quyết định đối với sự phát triển dài hạn của một quốc gia. Các thể chế tốt giúp bảo vệ quyền sở hữu tài sản, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh và nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế. Ngược lại, các quốc gia có chất lượng thể chế kém thường đối mặt với tham nhũng, sự thiếu minh bạch và rào cản pháp lý, làm suy giảm động lực đầu tư và kìm hãm tăng trưởng. Đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu, vai trò của thể chế ngày càng quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh và ổn định kinh tế vĩ mô.

Trong những năm gần đây, các yếu tố thể chế đã nhận được nhiều sự chú ý hơn các yếu tố quyết định sâu sắc khác như địa lý, văn hóa và sự cởi mở. Các nghiên cứu đã chỉ ra các quốc gia có thể

chế chất lượng cao cho phép sở hữu tư nhân và doanh nghiệp tự do đã trải qua một "phép màu" kinh tế, trong khi các quốc gia có thể chế kém đã chứng kiến nhiều thập kỷ trì trệ và nghèo đói (Acemoglu và cộng sự, 2005). Ví dụ, 2 miền Triều Tiên có địa lý và văn hóa tương tự nhau, nhưng khuôn khổ thể chế ở miền Bắc khiến họ nghèo hơn miền Nam 44 lần. Tương tự như vậy, việc chuyển đổi từ nền kinh tế phát xít sang nền kinh tế tương đối tự do sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã giúp Tây Đức trở thành nền kinh tế lớn thứ ba thế giới với GDP là 1,2 nghìn tỷ đô la Mỹ vào năm 1991. Trong khi đó, Đông Đức, nằm ở vị trí địa lý tương tự và có nền văn hóa giống với phương Tây, chỉ có thể tăng trưởng 1,3% mỗi năm (Maddison, 2003). Những so sánh này chứng minh khuôn khổ thể chế đóng vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế (Amin, 2013).

Nghiên cứu về tác động của chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia Asean là cần thiết, vì khu vực này bao gồm các nền kinh tế có sự chênh lệch lớn về hệ thống thể chế. Một số quốc gia như Singapore có thể chế rất vững mạnh, trong khi một số khác như Myanmar và Campuchia còn nhiều hạn chế trong quản trị công và minh bạch. Việc đánh giá mối quan hệ giữa chất lượng thể chế và tăng trưởng kinh tế giúp xác định những yếu tố cốt lõi cần cải thiện để thúc đẩy sự phát triển bền vững trong khu vực. Hơn nữa, trong bối cảnh chuyển đổi số và tác động của các cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, các quốc gia Asean cần xây dựng thể chế hiệu quả hơn để nâng cao khả năng thích ứng, giảm thiểu rủi ro và tạo ra môi trường kinh tế ổn định cho sự phát triển lâu dài.

2. Cơ sở lý thuyết

Lý thuyết thể chế của North (1990) nhấn mạnh thể chế bao gồm các quy tắc chính thức (luật pháp, quy định) và các chuẩn mực phi chính thức (văn hóa, thói quen) có ảnh hưởng đến hành vi kinh tế. Theo lý thuyết này, các thể chế chất lượng cao giúp giảm chi phí giao dịch, bảo vệ quyền sở hữu và tạo ra động lực cho các hoạt động kinh tế hiệu quả. Ngược lại, những quốc gia có thể chế yếu kém

thường gặp phải tham nhũng, bất ổn pháp lý và môi trường kinh doanh không minh bạch, làm suy giảm tăng trưởng kinh tế (North, 1990).

Bên cạnh đó, Lý thuyết tăng trưởng nội sinh (Endogenous Growth Theory) của Romer (1990) cũng đóng vai trò quan trọng trong việc lý giải tác động của chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế. Theo Romer, tăng trưởng kinh tế không chỉ phụ thuộc vào vốn vật chất và lao động mà còn chịu ảnh hưởng lớn từ các yếu tố phi vật chất như đổi mới công nghệ, giáo dục và thể chế. Các thể chế hiệu quả có thể tạo ra môi trường thuận lợi cho đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D), thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng năng suất lao động. Ngược lại, khi thể chế yếu kém, việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ không được đảm bảo, làm giảm động lực đầu tư vào công nghệ và kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế (Romer, 1990).

Ngoài ra, nghiên cứu này cũng dựa trên Lý thuyết nguồn lực doanh nghiệp (Resource Based View - RBV) của Barney (1991), trong đó nhấn mạnh lợi thế cạnh tranh dài hạn của một quốc gia không chỉ phụ thuộc vào nguồn lực hữu hình mà còn bị ảnh hưởng bởi các nguồn lực vô hình như thể chế và quản trị công. Các thể chế chất lượng cao giúp doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn, giảm chi phí giao dịch và rủi ro đầu tư, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu của Acemoglu và cộng sự (2001) cũng chỉ ra thể chế chính trị và kinh tế đóng vai trò quyết định trong việc hình thành môi trường kinh doanh và tác động trực tiếp đến hiệu quả sản xuất, phân bổ nguồn lực và tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, việc phân tích mối quan hệ giữa chất lượng thể chế và tăng trưởng kinh tế tại Asean không chỉ giúp làm rõ vai trò của thể chế trong phát triển kinh tế, mà còn đưa ra những hàm ý chính sách quan trọng để cải thiện môi trường kinh doanh và tăng cường năng lực cạnh tranh trong khu vực.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết câu hỏi nghiên cứu thứ nhất, nghiên cứu sử dụng phương trình nghiên cứu dựa vào phương pháp tiếp cận của các nghiên cứu trước

đây như Hussen (2023); Nawaz và cộng sự (2014), cụ thể như sau:

$$GDPG_{it} = \beta_0 + \beta_1 * INS_{it} + \beta_2 * INV_{it} + \beta_3 * INF_{it} + \beta_4 * UMP_{it} + \varepsilon_{it} \quad (1)$$

Mô tả và tính toán các biến trong mô hình nghiên cứu: (Bảng 1)

(Government Effectiveness) - Hiệu quả chính phủ; PS (Political stability and Absence of Violence/Terrorism) - Ổn định chính trị và không bạo lực; RL (Rule of Law) - Thực thi pháp luật; RQ (Regulatory Quality) - Chất lượng quy định). Sau đó, tác giả sử dụng phương pháp bình phương nhỏ

Bảng 1. Mô tả biến nghiên cứu trong mô hình

Tên biến	Đo lường	Kỳ vọng	Nguồn
GDPG	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (% GDP)		WDIs
INS	Chất lượng thể chế: bao gồm 6 chỉ số: GS, CC, GE, PS, RL, RQ	-	Chỉ tiêu quản trị thế giới WGI, WGs
INV	Đầu tư nội địa/GDP	-	WDIs
UMP	Tổng số thất nghiệp/tổng lực lượng lao động	+	WDIs
INF	Tỷ lệ lạm phát	+	WDIs

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Dữ liệu nghiên cứu 8 quốc gia trong khu vực Asean bao gồm: Campuchia, Indonesia, Lào, Thái Lan, Việt Nam, Singapore, Philippines và Malaysia trong giai đoạn 2000 - 2023. Nhằm đánh giá đánh giá tác động của chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia Asean, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích thành phần chính (Principal Component Analysis - PCA): PCA nhằm tìm ra các tổ hợp tuyến tính tối ưu của các biến ban đầu để tối đa hóa phương sai của dữ liệu chất lượng thể chế (bao gồm: GS (Government Stability) - Ổn định chính phủ; CC (Control of Corruption) - Kiểm soát tham nhũng; GE

nhất tổng quát khả thi (Feasible Generalized Least Squares - FGLS nhằm ước lượng được sử dụng khi mô hình hồi quy mắc phải các vấn đề về phương sai sai số không đồng nhất (heteroscedasticity) hoặc tự tương quan (autocorrelation).

4. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm (Bảng 2 + Hình 1)

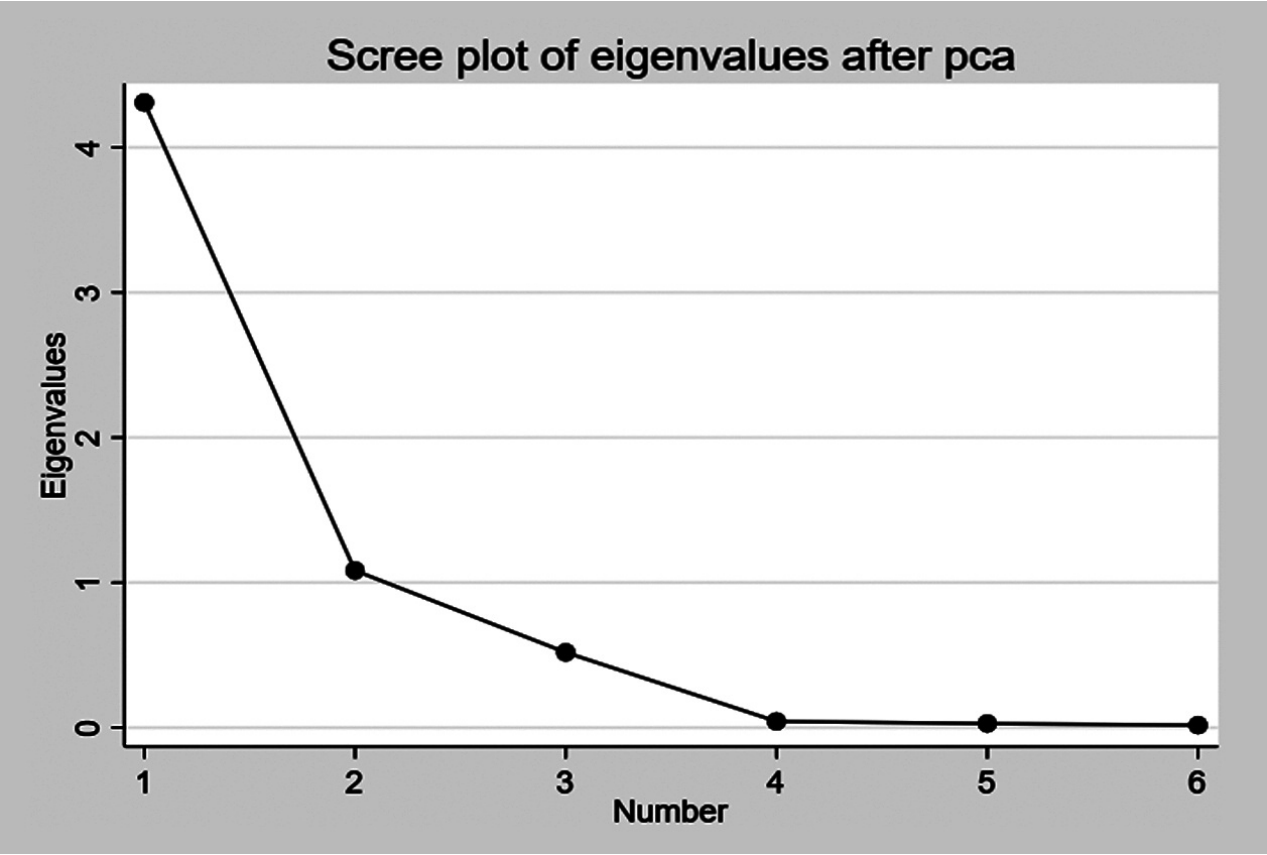
Kết quả phân tích thành phần chính (PCA) đối với 6 chỉ số đánh giá chất lượng thể chế (GS, CC, GE, PS, RL, RQ) cho thấy thành phần chính thứ nhất (Comp1) có giá trị eigenvalue cao nhất là 4.31 và giải thích đến 71.83% tổng phương sai của dữ liệu, chứng tỏ rằng hầu hết thông tin về biến động

Bảng 2. Kết quả phân tích thành phần chính

Component	Eigenvalue	Difference	Proportion	Cumulative
Comp1	4.31	3.22699	0.7183	0.7183
Comp2	1.08301	.564392	0.1805	0.8988
Comp3	.518619	.475615	0.0864	0.9853
Comp4	.0430039	.014997	0.0072	0.9924
Comp5	.0280069	.0106535	0.0047	0.9971
Comp6	.0173534	.	0.0029	1.0000

Nguồn: Tính toán từ phần mềm Stata 22

Hình 1: Sơ đồ giải thích các thành phần chính



Nguồn: Tính toán từ phần mềm Stata 22

của chất lượng thể chế được gói gọn trong thành phần này. Thành phần chính thứ hai (Comp2) có eigenvalue là 1.08301, đóng góp thêm 18.05% vào tổng phương sai, nâng mức độ giải thích cộng dồn lên 89.88%.

Kết quả ước lượng mô hình bằng phương pháp FGLS tại Bảng 3 cho thấy đầu tư nội địa trên GDP (INV) có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê

đến tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDPG) với hệ số 0.1134 và mức ý nghĩa $p = 0.003$. Khi mức đầu tư nội địa tăng, tốc độ tăng trưởng kinh tế cũng có xu hướng gia tăng, khẳng định vai trò quan trọng của đầu tư trong việc thúc đẩy tăng trưởng. Khoảng tin cậy 95% của hệ số này nằm trong khoảng từ 0.0374 đến 0.1893, cho thấy sự ổn định của mối quan hệ này trong mô hình nghiên cứu. Kết quả này phù

Bảng 3. Kết quả ước lượng mô hình bằng FGLS

GDPP	Coefficient	Std. err.	Z	P>z	[95% conf. interval]
INV	.1133583	.0387333	2.93	0.003	.0374424 .1892742
UMP	-.0244961	.1147268	-0.21	0.831	-.2493565 .2003643
INF	-.0002676	.0382302	-0.01	0.994	-.0751975 .0746623
INS	0.256139	.1328851	1.93	0.054	.00516589 .4311145
_cons	2.259101	1.237972	1.82	0.068	-.1672803 4.685482

Nguồn: Tính toán từ phần mềm Stata 22

hợp với các lý thuyết kinh tế truyền thống, nhấn mạnh tăng cường đầu tư có thể kích thích sản xuất, tạo việc làm và cải thiện hiệu suất kinh tế tổng thể.

Chất lượng thể chế (INS) có hệ số 0.2561 và mức ý nghĩa $p = 0.054$, tức là gần với mức ý nghĩa 5%, cho thấy tác động tích cực của chất lượng thể chế đối với tăng trưởng kinh tế, nhưng vẫn chưa đủ mạnh để khẳng định chắc chắn. Cải thiện chất lượng thể chế có thể đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng, nhưng mức độ ảnh hưởng có thể thay đổi tùy thuộc vào từng quốc gia và giai đoạn phát triển cụ thể. Nhìn chung, kết quả này nhấn mạnh vai trò quan trọng của đầu tư nội địa đối với tăng trưởng kinh tế, đồng thời gợi ý chất lượng thể chế có thể là một yếu tố cần được quan tâm nhiều hơn trong các chính sách phát triển kinh tế bền vững.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, đầu tư nội địa (INV) có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê đến tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDPG) tại các quốc gia Asean. Qua đó nhận định, việc gia tăng đầu tư trong nước là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong khu vực. Chất lượng thể chế (INS) có tác động dương đến tăng trưởng kinh tế, mặc dù chưa đạt mức ý nghĩa thống kê cao, nhưng vẫn cho thấy vai trò quan trọng của thể chế trong việc hỗ trợ các hoạt động kinh tế và tạo ra môi trường thuận lợi cho tăng trưởng.

Từ những kết quả trên, nghiên cứu rút ra một số hàm ý quản trị quan trọng. Các quốc gia Asean cần tập trung vào việc thúc đẩy đầu tư nội địa thông qua các chính sách khuyến khích doanh nghiệp mở rộng sản xuất, cải thiện hạ tầng và hỗ trợ tài chính cho các dự án đầu tư. Đặc biệt, chất lượng thể chế có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Do đó, cần có các cải cách nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường tính minh bạch và cải thiện năng lực điều hành của các cơ quan nhà nước để tạo ra một môi trường kinh doanh ổn định, hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư.

Nghiên cứu này có ý nghĩa quan trọng đối với việc hoạch định chính sách kinh tế tại các quốc gia Asean. Việc xác định rõ tác động của các yếu tố như đầu tư nội địa và chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế giúp cung cấp cơ sở khoa học để các nhà hoạch định chính sách đưa ra các quyết định phù hợp nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững. Hơn nữa, nghiên cứu đóng góp vào hệ thống lý thuyết về tăng trưởng kinh tế bằng cách kiểm định mối quan hệ giữa các yếu tố tài chính, thể chế và tăng trưởng trong bối cảnh Asean. Những phát hiện này không chỉ hữu ích cho chính phủ các nước trong khu vực, mà còn cung cấp thông tin quan trọng cho các tổ chức tài chính, doanh nghiệp và nhà đầu tư khi đưa ra các chiến lược phát triển kinh tế trong bối cảnh hội nhập toàn cầu ngày càng sâu rộng ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Acemoglu D., Johnson S., & Robinson J. A. (2001). The colonial origins of comparative development: An empirical investigation. *American Economic Review*, 91(5), 1369-1401. <https://doi.org/10.1257/aer.91.5.1369>

Acemoglu D., Johnson S. and Robinson J.A. (2005). Institutions as a fundamental cause of long-run growth. In *Handbook of Economic Growth*, Elsevier, 385-472.

Amin A.A. (2013). Africa's development: institutions, economic reforms and growth. *International Journal of Economics and Financial Issues*, 3, 324-336.

Barney J. (1991). Firm resources and sustained competitive advantage. *Journal of Management*, 17(1), 99-120. <https://doi.org/10.1177/014920639101700108>.

Hussen M.S. (2023). Institutional quality and economic growth in Sub-Saharan Africa: a panel data approach. *Journal of Economics and Development*, 25(4), 332-348. <https://doi.org/10.1108/JED-11-2022-0231>.

Maddison A. (2003). *Development Centre Studies the World Economy Historical Statistics: Historical Statistics*. OECD Publishing, Paris.

Nawaz S., Iqbal N., & Khan M. A. (2014). The impact of institutional quality on economic growth: Panel evidence. *The Pakistan Development Review*, 15-31.

North D. C. (1990). *Institutions, institutional change and economic performance*. Cambridge University Press. <https://doi.org/10.1017/CBO9780511808678>.

North D. C. (1990). *Institutions, institutional change and economic performance*. Cambridge University Press. <https://doi.org/10.1017/CBO9780511808678>.

Romer P. M. (1990). Endogenous technological change. *Journal of Political Economy*, 98(5), S71-S102. <https://doi.org/10.1086/261725>.

Ngày nhận bài: 12/1/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 27/1/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 13/2/2025

THE IMPACT OF INSTITUTIONAL QUALITY ON ECONOMIC GROWTH IN ASEAN COUNTRIES

● NGUYEN MINH NGOC

Finance & Accounting Department, Pizza 4P's

ABSTRACT:

This study investigates the impact of institutional quality on economic growth in eight ASEAN countries - Cambodia, Indonesia, Laos, Thailand, Vietnam, Singapore, the Philippines, and Malaysia - over the period 2000 to 2023. Utilizing panel data analysis, the research highlights that domestic investment is a primary driver of economic growth across the region. While institutional quality shows a positive relationship with economic growth, the effect is not statistically significant at high confidence levels. Nevertheless, the findings underscore the important role of institutional frameworks in facilitating economic activities and fostering a stable environment for long-term development. The study provides insights for policymakers aiming to enhance institutional effectiveness as a means to sustain and accelerate regional economic growth.

Keywords: institutional quality, economic growth, ASEAN, economics.